



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Tổ Quản lý chất lượng nước**
Laboratory: Water Quality Management Department

Tổ chức/Cơ quan chủ
quản: **Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang**
Organization: Tien Giang Water Supply Limited Company

Số hiệu/ Code: **VILAS 1245**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: Chemical

Người quản lý: **Lê Quốc Thịnh**
Laboratory manager: Le Quoc Thinh

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày 23/10/2030**

Địa chỉ: **Số 4A, đường 30/4, Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp**
Address: No. 4A, 30/4 street, My Tho ward, Dong Thap province

Địa điểm: **Số 4A, đường 30/4, Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp**
Location: No. 4A, 30/4 street, My Tho ward, Dong Thap province

Điện thoại/ Tel: **027 33873425**

Email: **cntg@yahoo.com.vn**

Website: **www.tiwaco.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1245

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt <i>Domestic water, ground water, surface water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~12	TCVN6492:2011 (ISO 10523:2008)
2.		Xác định hàm lượng Clorua Chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (Phương pháp Mo) <i>Determination of chloride content. Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5 mg/L	TCVN6194:1996 (ISO 9297:1989)
3.		Xác định độ cứng Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of hardness EDTA titrimetric method</i>	20 mg/L	TCVN6224:1996
4.		Xác định chỉ số Permanganat Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Permanganate index Titration method</i>	0,7 mg O ₂ /L	TCVN6186:1996 (ISO 8467:1993)
5.		Xác định độ đục Phương pháp đo máy <i>Determination of Turbidity Turbidimetric method</i>	Nước sạch, nước ngầm/ <i>domestic water, ground water</i> : 0,5 NTU Nước mặt/ <i>surface water</i> : 3,5 NTU	SMEWW 2130B:2023
6.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định màu sắc Phương pháp so màu (phương pháp C) <i>Determination of color Colorimetric method (C method)</i>	10 mg/L Pt-Co	TCVN 6185:2015
7.		Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp so màu <i>Determination of Manganese content Colorimetric method</i>	0,02 mg/L	HACH Method 8149 (2024) (DR 6000)
8.		Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp so màu <i>Determination of Ammonia content Colorimetric method</i>	0,1 mg N-NH ₃ /L	HACH Method 8038 (2017) (DR 6000)
9.		Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp so màu <i>Determination of Iron content Colorimetric method</i>	0,1 mg/L	HACH Method 8008 (2014) (DR 6000)

Chú thích /Note:

- ISO: International Organization for Standardization
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- HACH: phương pháp của nhà sản xuất thiết bị/*Manufacturer developed method*

Trường hợp Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Tien Giang Water Supply Limited Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*